

UNIT 2:**CITY LIFE****COMMUNICATION + SKILLS 1****I/ NEW WORDS:****COMMUNICATION**

- lighthouse
- financial
- offer
- refer
- city-state

SKILLS 1

- conduct
- determine
- factor
- recreational facility
- livable/ liveable
- conflict
- tend
- index
- sprawl
- cost of living
- score

COMMUNICATION

- (n) : đèn biển, hải đăng
- (adj): thuộc tài chính
- (v) : cung cấp, tặng
- (v) : tham khảo, xem
- (n) : thành phố tự trị

SKILLS 1

- (v): tiến hành, thực hiện
- (v): xác định
- (n): đặc điểm, yếu tố
- (n): các tiện ích giải trí
- (adj): đáng sống,
- (n): mâu thuẫn, xung đột
- (v): hướng tới, có xu hướng
- (n): danh mục, chỉ số
- (n): sự lan rộng
- (n): mức sống
- (v): cho điểm, đạt được

